



Thứ hai, ngày 2 tháng 4 năm 2018

Vietnam Daily Review

Thanh khoản đột biến

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 3/4/2018		•	
Tuần 2/4-6/4/2018		•	
Tháng 4/2018		•	

Điểm nhấn

- Phiên giao dịch đầu tuần, đà tăng lan rộng trên toàn thị trường khiến các chỉ số đồng loạt bứt phá và duy trì trạng thái tích cực.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VIC (+5.62 điểm), VCB (+4.63 điểm), GAS (+3.30 điểm), CTG (+2.19 điểm) và BID (+2.01 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VNM (-1.76 điểm), VRE (-0.91 điểm), HPG (-0.78 điểm), SAB (-0.61 điểm) và MWG (-0.32 điểm).
- Thanh khoản đột biến tập trung vào các cổ phiếu Ngân hàng, Chứng khoán và Bất động sản.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 6,696 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 16.88 điểm. Thị trường có 155 mã tăng và 140 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index tăng 22.15 điểm, đóng cửa tại 1,196.61 điểm. Bên cạnh đó, HNX-Index tăng 2.94 điểm lên 135.4 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 64.19 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VIC (37.5 tỷ), GAS (34.7 tỷ) và VCB (19.5 tỷ). Bên cạnh đó, họ bán ròng 14.48 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Phiên giao dịch đầu tiên của tháng tư, thị trường giao dịch tích cực với sắc xanh lan rộng trên nhiều nhóm cổ phiếu. Các cổ phiếu Vốn hóa lớn bứt phá tiếp tục dẫn dắt thị trường là VIC, GAS, VCB. Nhóm các cổ phiếu Ngân hàng, Chứng khoán và Bất động sản đồng loạt tăng trở lại sau các phiên điều chỉnh trước. Đáng chú ý, cổ phiếu HCM và VCI tăng trần trong phiên hôm nay. Tâm lý thận trọng đang giảm bớt khi đón nhận các thông tin vĩ mô tích cực giúp thanh khoản thị trường được cải thiện. BSC nhận định, bối cảnh vĩ mô tích cực và các thông tin trong mùa đại hội cổ đông có thể hỗ trợ chỉ số tiếp tục bứt phá trong tháng 4 này.

Phân tích kỹ thuật: GEX_Tăng tỉ trọng - Thêm vào danh mục CANSLIM.

(Vui lòng tải và xem [trang 2 báo cáo](#))

(Để xem thêm thông tin cổ phiếu lớn, vui lòng tải và xem [trang 4 báo cáo](#))

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Nguyễn Tuấn Anh

anhnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1196.61**

Giá trị: 6695.59 tỷ **22.15 (1.89%)**

Khối ngoại (ròng): 64.19 tỷ

HNX-INDEX **135.40**

Giá trị: 920.79 tỷ **2.94 (2.22%)**

Khối ngoại (ròng): -14.48 tỷ

UPCOM-INDEX **60.92**

Giá trị: 329.5 tỷ **0.26 (0.43%)**

Khối ngoại(ròng): 28.23 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	65.2	0.32%
Giá vàng	1,332	0.51%
Tỷ giá USD/VND	22,816	0.10%
Tỷ giá EUR/VND	28,024	0.05%
Tỷ giá JPY/VND	21,433	0.02%
LS liên NH 1 tháng	1.6% -	
LS TPCP 5 năm	3.1% -	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	37.50	HCM	23.80
GAS	34.70	VCI	23.60
VCB	19.50	KBC	13.40
HPG	18.37	VNM	12.97
DXG	13.10	VJC	8.04

Nguồn: BSC Research

Báo cáo này được xem là nguồn thông tin tham khảo. Vui lòng đọc kỹ phần Khuyến cáo sử dụng ở trang cuối.

Nguyễn Tuấn Anh

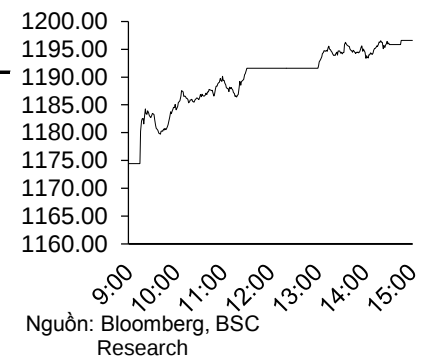
anhnt@bsc.com.vn

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
GEX	1.4	36.8	34	39	MUA	Tăng giá kéo dài
SSI	12.0	40.8	38	41	MUA	Tăng giá kéo dài
VIB	0.6	40.3	38	42	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
CTG	11.8	36.2	34	37	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
PVS	3.1	21.5	20	27	NGỪNG BÁN	Giảm giá trung hạn
PDR	1.6	40.3	38	42	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
SHS	1.8	23.9	22	25	NGỪNG MUA	Tăng giá kéo dài
ACB	9.3	49.2	45	52	MUA	Tăng giá kéo dài
VCG	0.7	23.3	22	25	NGỪNG BÁN	Giảm giá trung hạn
DGW	0.6	25.3	24	26	MUA	Tăng giá kéo dài

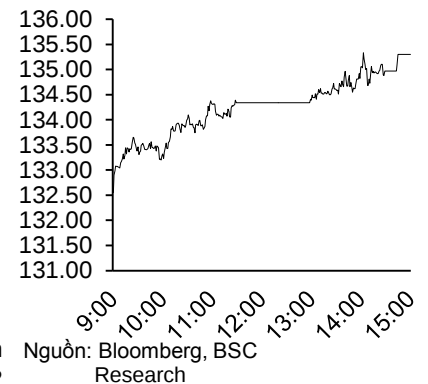
Hình 1

HSX-Index Intraday



Hình 2

HNX-Index Intraday



Quý khách vui lòng liên hệ với tư vấn viên để có cập nhật thêm về tín hiệu trong phiên của cổ phiếu

Phân tích kỹ thuật

Mã chứng khoán: GEX_Tăng tỉ trọng

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy ngắn hạn, tăng trung hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hội tụ trên ngưỡng 0
- Chỉ báo RSI: Tăng lên quá mua

Nhận định: Nền giá 34-36 đang là vùng tích lũy ngắn hạn của GEX. Phiên thứ 6 tuần trước xác nhận breakout sau quá trình tích lũy chặt chẽ với khối lượng cạn kiệt trong 2 tuần liên tiếp của cổ phiếu này. Với RSI tăng lên vùng quá mua cùng với MACD đang nằm trên ngưỡng 0 và chuẩn bị phân kỳ với đường signal, GEX là một cổ phiếu tăng điểm tiềm năng trong giai đoạn tới.

Khuyến nghị: Mua cổ phiếu GEX tại giá 36.75 với target 50, cutloss 30.

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1804	1162.0	1.5%	15.5%
VN30F1805	1169.0	1.3%	112.5%
VN30F1806	1171.0	1.0%	59.4%
VN30F1809	1192.6	1.3%	-5.2%

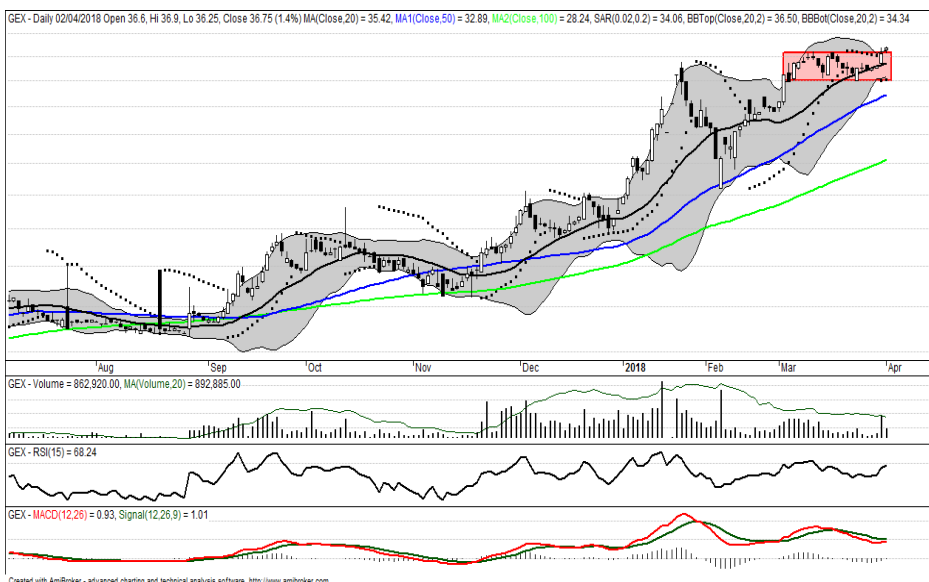
Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	123	5.0	7.0
VCB	74	5.0	2.5
ROS	144	7.0	2.2
MBB	36	3.2	2.2
VJC	228	1.9	1.9

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
GMD	30	-2.4	-0.2
CII	30	-2.4	-0.3
MWG	110	-2.4	-1.1
HPG	59	-2.3	-2.5
VNM	200	-1.6	-1.6



Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	SCR	23/2/2018	12.15	13.80	13.6%	11.0	15.0
2	HBC	3/5/2018	42.80	45.75	6.9%	37.0	47.9
3	DXG	19/3/2018	38.40	37.40	-2.6%	36.0	43.0
4	ACV	29/3/2018	100.50	104.90	4.4%	91.0	110.0
Trung bình					5.6%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	27/4/2015	13.8	35.80	159.4%	20.3	24.0
2	HPG	28/10/2016	25.5	59.00	131.6%	36.4	44.9
3	CSV	24/7/2017	33.1	40.35	21.9%	30.5	39.0
4	HCM	18/09/2017	41.9	85.40	103.8%	38.0	48.0
5	PDR	2/3/2018	37.4	40.30	7.9%	34.0	45.0
Trung bình					84.9%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dùng lỗ	Mục tiêu
1	PVT	23/06/2016	11.1	20.8	87.4%	10.3	16.1
2	CTI	29/07/2017	29.7	35.7	20.0%	27.6	34.2
3	ACB	2/2/2018	41.5	49.2	18.6%	38.3	47.0
4	PLX	16/3/2018	83.0	84.9	2.3%	75.0	114.0
Trung bình					32.1%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	110.1	-2.4%	0.6	1,566	3.8	7,166	15.4	5.9	49.0%	45.3%
PNJ	Bán lẻ	204.4	-0.8%	0.8	973	2.8	6,727	30.4	7.5	49.0%	32.6%
BVH	Bảo hiểm	97.1	2.8%	1.5	2,911	1.4	2,246	43.2	4.7	25.2%	10.7%
PVI	Bảo hiểm	40.3	-0.2%	0.7	407	1.5	2,114	19.1	1.4	43.9%	7.1%
VIC	Bất động sản	123.0	4.9%	1.3	14,292	13.2	2,373	51.8	9.7	10.8%	15.8%
VRE	Bất động sản	49.9	-2.5%	1.2	4,179	4.5	1,061	47.0	3.6	32.8%	9.0%
NVL	Bất động sản	72.0	4.0%	0.5	2,712	9.4	2,534	28.4	4.7	5.1%	18.7%
REE	Bất động sản	38.2	1.3%	1.0	522	1.3	4,442	8.6	1.5	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	37.4	2.7%	1.1	499	4.8	2,494	15.0	3.0	41.9%	21.3%
SSI	Chứng khoán	40.8	4.6%	1.3	898	12.0	2,371	17.2	2.4	53.1%	14.2%
VCI	Chứng khoán	115.5	6.9%	0.6	610	2.0	5,527	20.9	9.9	40.0%	31.9%
HCM	Chứng khoán	85.4	6.9%	1.0	487	5.2	4,280	20.0	4.2	58.8%	17.8%
FPT	Công nghệ	61.5	1.3%	0.9	1,438	5.9	5,532	11.1	2.9	49.0%	28.0%
FOX	Công nghệ	76.8	-1.4%	0.2	510	0.0	5,180	14.8	3.8	0.2%	26.5%
GAS	Dầu khí	136.1	3.6%	1.6	11,475	4.8	4,916	27.7	6.3	3.5%	23.8%
PLX	Dầu khí	84.9	1.4%	1.4	4,334	2.9	3,012	28.2	4.8	12.1%	17.2%
PVS	Dầu khí	21.5	1.9%	1.8	423	3.1	1,688	12.7	0.9	16.7%	7.2%
PVD	Dầu khí	19.0	-0.5%	1.7	320	1.1	0	410.8	0.5	24.4%	0.2%
DHG	Dược	111.9	0.8%	0.4	645	0.9	4,367	25.6	5.3	45.8%	20.5%
TRA	Dược	99.0	0.0%	0.0	181	0.1	5,811	17.0	4.0	48.8%	24.6%
DPM	Hóa chất	21.8	-1.1%	0.9	375	0.8	1,532	14.2	1.1	22.8%	8.7%
DCM	Hóa chất	12.4	1.2%	0.5	289	0.4	1,075	11.5	1.1	3.7%	9.5%
VCB	Ngân hàng	74.0	5.0%	1.5	11,728	9.8	2,525	29.3	4.9	20.6%	17.8%
BID	Ngân hàng	45.0	3.7%	1.3	6,777	5.0	2,019	22.3	3.3	2.7%	15.6%
CTG	Ngân hàng	36.2	4.6%	1.5	5,938	11.8	1,996	18.1	2.1	30.0%	12.0%
VPB	Ngân hàng	68.0	5.4%	0.7	4,486	29.1	4,564	14.9	3.4	23.5%	26.9%
MBB	Ngân hàng	35.8	3.2%	1.0	2,863	7.6	1,955	18.3	2.3	20.0%	13.2%
ACB	Ngân hàng	49.2	5.4%	0.8	2,351	9.3	1,953	25.2	3.3	30.0%	14.1%
BMP	Nhựa	71.0	3.2%	0.9	256	0.6	5,757	12.3	2.4	71.5%	18.3%
NTP	Nhựa	62.0	0.0%	0.4	244	0.0	5,519	11.2	2.7	23.1%	25.1%
MSR	Tài nguyên	30.2	1.7%	1.4	957	0.1	286	105.6	1.9	2.1%	1.0%
HPG	Thép	59.0	-2.3%	0.8	3,943	16.0	5,540	10.7	2.8	39.5%	30.8%
HSG	Thép	22.8	0.0%	0.9	351	0.9	3,523	6.5	1.6	25.7%	28.8%
VNM	Tiêu dùng	199.7	-1.6%	0.7	12,767	15.5	6,356	31.4	12.4	59.4%	40.5%
SAB	Tiêu dùng	238.0	-1.1%	0.9	6,724	0.9	7,350	32.4	11.1	9.7%	38.6%
MSN	Tiêu dùng	114.6	1.0%	1.1	5,288	5.3	2,877	39.8	8.1	32.5%	20.6%
SBT	Tiêu dùng	17.4	-1.1%	1.1	427	2.9	1,245	14.0	1.4	9.1%	7.6%
ACV	Vận tải	104.9	-1.1%	0.9	10,061	1.1	2,208	47.5	9.4	3.5%	21.8%
VJC	Vận tải	228.1	1.9%	0.8	4,535	6.2	6,233	36.6	21.2	26.3%	68.7%
HAV	Vận tải	50.0	0.6%	1.9	2,704	1.9	1,938	25.8	3.7	8.9%	14.6%
GMD	Vận tải	30.0	-2.4%	0.8	381	1.6	1,946	15.4	1.4	20.4%	8.1%
PVT	Vận tải	20.8	1.0%	1.1	258	0.6	1,500	13.9	1.6	33.5%	11.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	263.3	0.7%	0.8	928	2.2	13,660	19.3	8.8	2.5%	58.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	25.5	3.2%	1.0	504	3.8	1,779	14.3	1.8	34.5%	12.4%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.6	-1.0%	0.8	245	0.3	1,238	11.8	1.1	6.7%	10.0%
CTD	Xây dựng	157.0	-0.6%	0.2	541	1.8	20,436	7.7	1.6	42.9%	23.2%
VCG	Xây dựng	23.3	-0.4%	1.6	453	0.7	3,197	7.3	1.6	9.6%	23.0%
CII	Xây dựng	30.2	-2.4%	0.6	328	1.1	6,032	5.0	1.5	67.1%	35.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	123.00	4.95	5.62	2.46MLN
VCB	74.00	4.96	4.63	3.06MLN
GAS	136.10	3.58	3.30	811810.00
CTG	36.20	4.62	2.19	7.51MLN
BID	45.00	3.69	2.01	2.61MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	199.70	-1.63	-1.76	1.77MLN
VRE	49.90	-2.54	-0.91	2.01MLN
HPG	59.00	-2.32	-0.78	6.09MLN
SAB	238.00	-1.08	-0.61	88560.00
MWG	110.10	-2.39	-0.32	767210.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HAS	10.10	6.99	0.00	42480.00
DTA	7.81	6.99	0.00	2500.00
LM8	26.05	6.98	0.01	45880.00
VPK	6.13	6.98	0.00	380.00
KSH	1.84	6.98	0.00	164000.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HTL	29.30	-6.98	-0.01	600
LBM	35.35	-6.97	-0.01	2680
HAG	6.15	-6.96	-0.16	22.76MLN
DAT	22.25	-6.90	-0.03	60
RDP	19.30	-6.76	-0.02	83560

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	49.20	5.35	2.09	4.37MLN
SHB	13.10	1.55	0.22	14.75MLN
PVS	21.50	1.90	0.10	3.30MLN
VGC	25.50	3.24	0.09	3.33MLN
VPI	40.60	2.78	0.09	200400

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	9.70	-2.02	-0.06	420400
SJ1	19.80	-10.00	-0.03	100
API	26.50	-5.36	-0.03	800
SLS	78.00	-5.57	-0.02	5600
BCC	7.30	-7.59	-0.02	234000

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

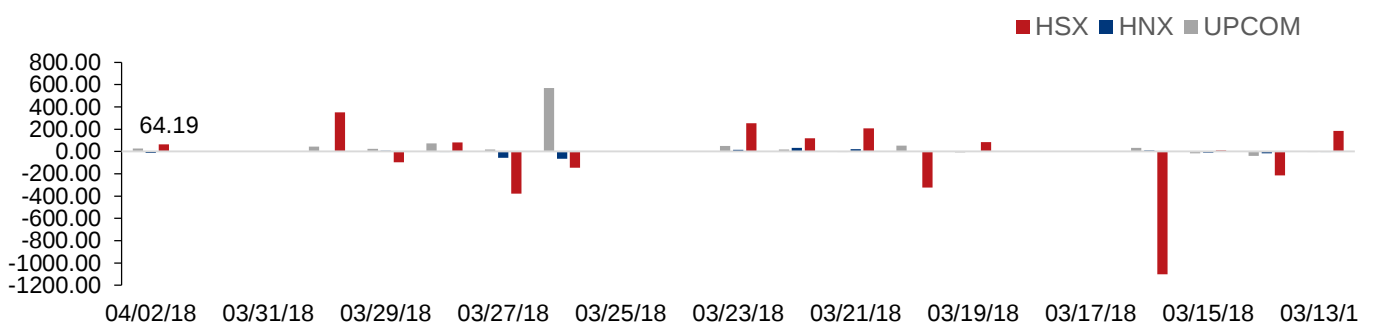
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SGH	29.70	10.00	0.01	500
PJC	45.30	9.95	0.01	100
VSM	14.40	9.92	0.00	1300
HGM	37.00	9.79	0.02	100
PCG	9.00	9.76	0.00	12000

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SDG	18.00	-10.00	-0.01	300
ONE	9.10	-9.90	0.00	31100
DID	4.60	-9.80	0.00	10100
NHA	9.30	-9.71	-0.01	100
KMT	5.80	-9.38	0.00	500

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
2	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
7	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
9	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M06	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Sector_VN_Ngành cao su	Phân tích ngành		Click	
13	Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ lãi	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Macro Outlook_2017 Second half	Phân tích vĩ mô		Click	
15	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M05	Phân tích vĩ mô		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M04	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M03	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M02	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M01	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	14.4	530	27.1	1.2	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	30.9	2,762	11.2	1.8	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	13.9	669	20.8	1.2	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	34.1	749	45.5	2.3	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	49.2	1,953	25.2	3.3	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	39.2	4,735	8.3	1.3	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	26.5	383	69.0	2.2	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	20.8	1,500	13.9	1.6	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	59.0	5,540	10.7	2.8	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	37.4	2,494	15.0	3.0	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	14.1	2,801	5.0	0.9	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	40.4	5,435	7.4	2.2	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	61.5	5,532	11.1	2.9	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	74.0	2,525	29.3	4.9	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	21.5	1,688	12.7	0.9	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	35.8	1,955	18.3	2.3	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	157.0	20,436	7.7	1.6	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	6.2	868	7.1	0.4	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	141.0	18,611	7.6	2.4	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	204.4	6,727	30.4	7.5	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

